

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
3.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 7
3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền	9 - 10
3.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3600253230 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 9 năm 2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06:

Vốn điều lệ : 1.143.000.000.000 VND

Chủ sở hữu công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 126 Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 6 297 663

Fax : (0251) 3 899 135

Email : thuyloidongnai@gmail.com

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 3 2 3 0

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư bao gồm:

- Cấp nước, tưới tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Quản lý và khai thác nước ngầm. Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt;
- Cho thuê mặt nước (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản;
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Bán buôn xe máy, bảo dưỡng xe máy, bán buôn phụ tùng xe máy;
- Lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi;
- Giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng. Quản lý dự án công trình thủy lợi;
- Dịch vụ du lịch sinh thái.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2022 của Công ty là khai thác, cung cấp nước cho hoạt động nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 24).

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

126, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo của ban giám đốc (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày Bỏ nhiệm</u>
Bà Tạ Thị Thúy	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Vũ	Thành viên chuyên trách	
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên chuyên trách	15/10/22

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>
Ông Dương Xuân Sơn	Giám đốc
Ông Lê Xuân Toàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Kiểm soát viên chuyên trách

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc - Ông Dương Xuân Sơn

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh tại Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT đã kiểm toán Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

126, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo của ban giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào; và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

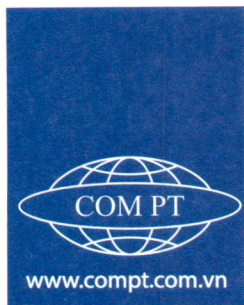
Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo Tài chính kèm theo. Báo cáo Tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Dương Xuân Sơn

Giám đốc

TP. Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023



AUDITING, INVESTMENT, FINANCE, TAX
ACCOUNTING, CONSULTANCY

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính:

Số 32 Ngõ 203 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3564 0218 | Fax: (024) 6251 7402

Chi nhánh tại TP.HCM: 59 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (028) 6292 7175 - 6292 7176 | Fax: (028) 6292 7179

Số : 019 .TC/2023/COM.PT-hcm

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 01 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu năm và cuối năm của Công ty. Do cách thức ghi chép, theo dõi và kế toán các khoản này của Công ty, chúng tôi không thể thu thập bằng chứng đáng tin cậy về khoản mục tiền mặt, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Vì vậy, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn và tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2022 và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn " Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 22/2022/BCKiT - HVAC ngày 04 tháng 03 năm 2022 có dạng ý kiến ngoại trừ. Các ngoại trừ liên quan đến tiền mặt, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty vì lý do Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê, kiểm quỹ vào ngày 31/12/2021.

**CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH
KÊ TOÁN, THUẾ - KIỂM TOÁN COM.PT**



Lê Tuấn Sơn - Phó Giám Đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1237-2020-069-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1730-2023-069-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.028.317.093	93.087.788.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41.979.298.301	39.052.304.790
1 Tiền	111	V.1	41.979.298.301	39.052.304.790
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.935.475.763	53.513.783.068
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.914.839.680	4.680.755.174
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	93.562.725.537	48.877.828.737
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.531.828.283	29.116.894
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(73.917.737)	(73.917.737)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1 Hàng tồn kho	141		-	-
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.113.543.029	521.700.849
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	348.518.132	521.700.849
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		765.024.897	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.311.600.748.896	1.245.689.570.579
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.120.123.632.605	742.178.816.387
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.120.123.632.605	742.178.816.387
- Nguyên giá	222		1.130.551.075.984	752.161.274.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.427.443.379)	(9.982.458.597)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		191.477.116.291	503.510.754.192
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	191.477.116.291	503.510.754.192
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.452.629.065.989	1.338.777.359.286

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.547.377.012	71.845.392.977
I. Nợ ngắn hạn	310		112.968.863.392	65.096.675.294
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	6.310.367.875	4.428.092.669
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.075.000	925.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	9.302.542	1.296.457.139
4 Phải trả người lao động	314		6.598.315.301	5.488.201.312
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	46.046.580	53.046.033
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	94.522.514.616	48.729.048.000
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	5.472.241.478	5.100.905.141
13 Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.578.513.620	6.748.717.683
1 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13	6.578.513.620	6.748.717.683
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.333.081.688.977	1.266.931.966.309
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.333.081.688.977	1.266.931.966.309
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	1.137.791.166.667	759.194.656.667
2 Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	5.785.834.578	4.058.473.389
3 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	719.907.441	1.740.249.262
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	V.14	719.907.441	1.740.249.262
6 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.14	188.784.780.291	501.938.586.991
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.452.629.065.989	1.338.777.359.286

TP. Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	45.524.771.450	42.466.149.224
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		45.524.771.450	42.466.149.224
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	VI.2	27.042.678.911	22.283.737.845
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.482.092.539	20.182.411.379
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	377.147.771	234.382.181
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.507.321.969	11.852.810.711
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.351.918.341	8.563.982.849
11 Thu nhập khác	31	VI.5	845.419.947	259.220.719
12 Chi phí khác	32		-	-
13 Lợi nhuận khác	40		845.419.947	259.220.719
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.197.338.288	8.823.203.568
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	1.439.467.658	1.764.640.714
16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		5.757.870.630	7.058.562.854

TP. Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		7.197.338.288	8.823.203.568
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		683.472.782	911.615.668
- Các khoản dự phòng	03		-	(92.319.500)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(400.525.044)	(234.382.181)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.480.286.026	9.408.117.555
- Tăng các khoản phải thu	09		(43.963.400.987)	(44.688.301.542)
- Tăng hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng các khoản phải trả	11		46.432.031.373	45.350.270.800
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		173.182.717	(236.460.122)
- Tăng chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.583.781.737)	(1.063.204.010)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		18.020.000	45.052.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.965.785.663)	(2.498.636.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.590.551.729	6.316.837.773
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(323.834.000)	(668.173.280)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		23.377.273	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		377.147.771	234.382.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		76.691.044	(433.791.099)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.740.249.262)	(1.523.571.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.740.249.262)	(1.523.571.173)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.926.993.511	4.359.475.501
Tiền đầu năm	60	V.1	39.052.304.790	34.692.829.289
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền cuối năm	70	V.1	41.979.298.301	39.052.304.790

TP. Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng



Dương Xuân Sơn
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin Đăng ký kinh doanh

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành viên. Mã số doanh nghiệp: 3600253230 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 9 năm 2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06:

Vốn điều lệ: 1.143.000.000.000 VND

Chủ sở hữu công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 126 Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (0251) 6 297 663 Fax : (0251) 3 899 135

Email : thuyloidongnai@gmail.com Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 3 2 3 0

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đầu tư bao gồm:

- Cấp nước, tưới tiêu, ngăn mặn xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Quản lý và khai thác nước ngầm. Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, cấp nước sinh hoạt;
- Cho thuê mặt nước (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản;
- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Bán buôn xe máy, bảo dưỡng xe máy, bán buôn phụ tùng xe máy;
- Lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu. Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng dự toán công trình thủy lợi;
- Giám sát thi công công trình thủy lợi và dân dụng. Quản lý dự án công trình thủy lợi;
- Dịch vụ du lịch sinh thái.

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc**

Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Tạ Thị Thúy	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Vũ	Thành viên chuyên trách	
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên chuyên trách	15/10/2022

Ban Giám đốc

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Dương Xuân Sơn	Giám đốc
Ông Lê Xuân Toàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Kiểm soát viên chuyên trách

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc - Ông Dương Xuân Sơn

4. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính trong năm 2022 của Công ty là khai thác, cung cấp nước cho hoạt động nông nghiệp, cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt và đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có 110 nhân viên đang làm việc (Tại ngày 31/12/2021 có 113 nhân viên đang là việc).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kết toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định***Số năm khấu hao năm nay***

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	07 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Các tài sản sau đây của Công ty không phải trích khấu hao theo quy định tại điều 1, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính:

- Tài sản cố định là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ, đập, kênh, mương).
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình mua sắm, xây dựng, lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Vốn Chủ sở hữu*****Vốn góp của Chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp vào ngân sách Nhà nước sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ và sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ sở hữu.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Cụ thể:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - * Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - * Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

14. Công cụ tài chính***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	347.773.473	530.264.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.631.524.828	38.522.040.269
Cộng	41.979.298.301	39.052.304.790

2. Phải thu của khách hàng

Phải thu ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
- BQLDA huyện Long Thành	12.072.000	12.072.000
- Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa	381.524.655	681.242.619
- Công ty CP cấp nước Hồ Cầu Mới	1.357.246.800	2.805.652.080
- Công ty TNHH VeDan Vietnam	529.888.500	580.151.565
- Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	470.959.650	458.007.480
- BQLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tp. Hồ Chí Minh	112.336.700	112.336.700
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại 407	11.211.375	31.292.730
- Trần Thị Trúc Quỳnh	23.100.000	-
- Mai Thịnh Đường	16.500.000	-
Cộng	2.914.839.680	4.680.755.174

3. Trả trước cho người bán

Trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
- BQL Dự Án NN & PTNT Đồng Nai	73.917.737	73.917.737
- Công ty TNHH xây lắp Trường An	8.850.000.000	-
- Công ty TNHH đo đạc & XD Nam Việt Phát	71.590.200	5.863.000
- Trung tâm kỹ thuật Địa chính - Nhà đất tỉnh Đồng Nai	7.000.000	7.000.000
- Công ty TNHH TMDV xây dựng Công Nghệ Mới	129.240.000	-
- Trung tâm PTQĐ huyện Định Quán	12.604.010.000	649.460.000

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán (tiếp theo)

Trả trước ngắn hạn (tiếp theo)

- Trung tâm PTQĐ huyện Tân Phú	31.266.979.800	150.000.000
- Công ty TNHH TV KT XD Đồng Nai	9.401.355.000	13.252.442.000
- Công ty Cổ phần xây dựng số 5	27.587.482.000	27.587.482.000
- Công ty TNHH XD Hoàng Quân Phát	-	-
- Công ty TNHH sản xuất -XD-TM-DV Thiên Phước	2.880.609.000	2.880.609.000
- Công ty CP chế tạo bơm Hải Dương	-	3.500.000.000
- Công ty TNHH TVĐT và XD Nam Thành	247.486.800	328.000.000
- Công ty TNHH MTV Thịnh Toàn Phúc	443.055.000	443.055.000
Cộng	93.562.725.537	48.877.828.737

4. Phải thu khác

31/12/2022

01/01/2022

Phải thu ngắn hạn

- BHXH	20.928.283	15.116.894
- Tạm ứng của nhân viên	10.900.000	14.000.000
- Các khoản phải thu khác (LN nộp trước)	1.500.000.000	-
Cộng	1.531.828.283	29.116.894

5. Chi phí trả trước

	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Công cụ, dụng cụ	521.700.849	177.642.800	350.825.517	348.518.132
Cộng	521.700.849	177.642.800	350.825.517	348.518.132

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Ngày 01/01/2022	746.747.727.277	3.514.000.107	1.277.627.500	621.920.100	752.161.274.984
Tăng từ đầu tư XDCBDD/Mua sắm	341.182.348.000			31.779.000	341.214.127.000
Tăng khác	37.414.162.000	353.562.000	60.000.000	60.000.000	37.887.724.000
Giảm khác	(473.562.000)				(473.562.000)
Giảm do thanh lý	-	-	-	(238.488.000)	(238.488.000)
Ngày 31/12/2022	1.124.870.675.277	3.867.562.107	1.337.627.500	475.211.100	1.130.551.075.984

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Hao mòn lũy kế</i>					
Ngày 01/01/2022	7.700.291.036	1.041.909.928	808.300.502	431.957.131	9.982.458.597
Khấu hao	224.536.140	334.991.679	131.706.750	45.598.788	736.833.357
Giảm do thanh lý	-			(238.488.000)	(238.488.000)
Tăng khác	-	72.761.619		94.439.002	167.200.621
Giảm khác	(220.561.196)				(220.561.196)
Ngày 31/12/2022	7.704.265.980	1.449.663.226	940.007.252	333.506.921	10.427.443.379
	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2022	739.047.436.241	2.472.090.179	469.326.998	189.962.969	742.178.816.387
Ngày 31/12/2022	1.117.166.409.297	2.417.898.881	397.620.248	141.704.179	1.120.123.632.605

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

31/12/2022

01/01/2022

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản gồm:

	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Đầu tư xây dựng cơ bản:				
- Trạm bơm Đắc Lua	8.092.668.781	23.925.352.400	-	32.018.021.181
- Hồ chứa nước Gia Măng - 2008	309.201.921.301	745.924.699	309.947.846.000	-
- Cải tạo sửa chữa Hồ Sông Mây	1.574.553.000	-	-	1.574.553.000
Nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+000 đến K7+50	948.844.000	1.527.544.000	-	2.476.388.000
Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	939.023.000	383.239.000		1.322.262.000
Sửa chữa hồ Núi Le	5.013.486.000	36.782.000	5.050.268.000	-
- Sửa chữa NV lòng hồ suối Vọng	23.716.748.000	198.236.000	23.914.984.000	-
- Kiên cố kênh chính hồ Bà Long	2.261.875.000	16.480.000	2.278.355.000	-
- Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	149.901.534.110	2.124.358.000	-	152.025.892.110
Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Đô, huyện Tân Phú	1.182.946.000	877.054.000	-	2.060.000.000
- TS NC HTGT Nội Đồng Đập Năm Sao	677.155.000	3.860.000	681.015.000	-
Cộng	503.510.754.192	29.838.830.099	341.872.468.000	191.477.116.291

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Phải trả người bán	31/12/2022	01/01/2022
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
- Văn phòng công ty	12.072.000	12.072.000
- Trạm Xuân Lộc	34.680.008	160.180.376
- Công ty CP Tư Vấn Đầu Tư XD Kiên Hà	17.580.000	7.849.000
- Tổng Cty TV XD Thủy Lợi Việt Nam -CTCP	350.118.400	350.118.400
- Công ty TNHH MTV Nước & Môi Trường Bình Minh	4.553.000	354.912.000
- Công ty TNHH MTV XD Hoàng Tuyên Phát	141.262.669	351.051.669
- Công ty CP Tư Vấn XD Thủy Lợi II	299.101.000	19.950.000
- Công ty TNHH TV XD Sông Đà	67.317.000	-
- Văn phòng ĐK Quyền SD Đất T.Đồng Nai	-	135.755.000
- Sở Tài Chính Đồng Nai	28.742.500	-
- Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Nam Hà	6.939.500	-
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	266.132.000
- Viện Đào Tạo và Khoa Học Ứng Dụng Miền Trung	327.965.000	-
- Công ty TNHH XD Hoàng Quân Phát	-	196.377.700
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí và Xây dựng Thủy Nguyên 2	39.475.400	140.478.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Khánh Hùng	223.213.000	83.745.150
- Viện Thủy Lợi Và Môi Trường	121.524.000	-
- Văn phòng Tư vấn Thẩm định Thiết kế & Giám định Chất lượng Công trình	248.256.000	-
- Công ty Cổ Phần - Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	-	332.123.000
- Công ty TNHH Tân Điền Phúc	328.395.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và XD Nam Thành	-	263.180.000
- Công ty TNHH MTV Việt Toàn	-	4.048.000
- Công ty TNHH Ninh Thịnh	4.378.000	90.695.450
- Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Tân Phú Thạnh	377.484.000	104.983.000
- Công ty TNHH Tư vấn XD Tấn Phát Đạt	-	4.433.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết Kế Xây Dựng Nguyên Việt	10.921.000	-
- Công ty TNHH Long Thiên Hải	-	1.415.000
- Công ty TNHH xây lắp Trường An	-	1.055.400.000
- Công ty TNHH MTV Trang Quốc Thịnh	-	24.186.624
- Công ty TNHH ĐTXD Mạnh Lâm	-	20.916.300
- Viện Kỹ Thuật Biển	180.243.000	-
- Công ty Cổ Phần Chế Tạo Bơm Hải Dương	2.507.760.000	-
- Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Đo Đặc Đại Thành	361.044.939	244.367.000
- Công ty TNHH Tân Phong Đồng Nai	-	48.844.000
- CN Công ty CP TV XD Thủy Lợi Và Cơ Sở Hạ Tầng Hải Dương	-	32.036.000
- Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Thủy Điện Nam Việt	30.319.000	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Phải trả người bán (tiếp theo)

- Công ty TNHH Xăng Dầu Chánh Minh	-	122.844.000
- Công ty TNHH MTV TM & DV Xăng Dầu Lê Vũ	54.648.000	-
- Công ty TNHH Kỹ Thuật TVA	339.500.000	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Trần Thiên Văn	63.690.000	-
- Công ty TNHH Hùng Huy Quyền	74.267.959	-
- Công ty TNHH Viễn Thông Tiến Anh	54.917.500	-
Cộng	6.310.367.875	4.428.092.669

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2022
Thuế GTGT	229.702.991	1.908.400.209	2.128.800.658	9.302.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	814.640.714	1.439.467.658	2.583.781.737	(329.673.365)
Thuế thu nhập cá nhân	2.960.594	1.206.595.190	1.644.907.316	(435.351.532)
Thuế tài nguyên	249.152.840	2.411.223.880	2.660.376.720	-
Thuế nhà đất	-	46.097.100	46.097.100	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.296.457.139	7.014.784.037	9.066.963.531	(755.722.355)

Trong đó:

Thuế nộp thừa	-	765.024.897
Thuế còn phải nộp	1.296.457.139	9.302.542

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Hoạt động cung cấp thủy lợi	Không chịu thuế
- Hoạt động cung cấp nước nông nghiệp	5%
- Hoạt động khác	10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.14 và thuyết minh VI.6

Thuế Tài Nguyên

- Hoạt động khai thác nước	1-3%
----------------------------	------

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
- Trích trước chi phí sửa chữa, tiền điện thoại,...	46.046.580	53.046.033
Cộng	46.046.580	53.046.033

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI ĐỒNG NAI

126, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, p. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Trạm bơm Đắc Lua	41.358.876.600	17.523.497.000
- Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai	43.072.101.000	31.117.551.000
- Nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ K0+000 đến K7+500, huyện Nhơn Trạch	8.979.240.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	78.500.000	87.000.000
- Thuế TNCN	7.914.092	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.025.882.924	1.000.000
Cộng	94.522.514.616	48.729.048.000

12. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2022	Trích lập	Chi trong năm	31/12/2022
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	5.100.905.141	3.310.602.000	2.939.265.663	5.472.241.478
Cộng	5.100.905.141	3.310.602.000	2.939.265.663	5.472.241.478

13. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	6.578.513.620	6.748.717.683
Cộng	6.578.513.620	6.748.717.683

14. Vốn chủ sở hữu**Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Ngày 01/01/2021	724.528.719.667	1.940.904.533	496.276.824.243	1.523.571.173	1.224.270.019.616
Tăng vốn đầu tư CSH	34.665.937.000			-	34.665.937.000
Nộp NS lợi nhuận	-	-	-	(1.523.571.173)	(1.523.571.173)
Trích các quỹ	-	2.117.568.856	-	(5.318.313.592)	(3.200.744.736)
Lợi nhuận sau thuế Năm 2021	-	-	-	7.058.562.854	7.058.562.854
Ngân sách cấp, quyết toán dự án	-	-	5.661.762.748	-	5.661.762.748
Ngày 31/12/2021	759.194.656.667	4.058.473.389	501.938.586.991	1.740.249.262	1.266.931.966.309
Ngày 01/01/2022	759.194.656.667	4.058.473.389	501.938.586.991	1.740.249.262	1.266.931.966.309
Tăng vốn đầu tư CSH	378.596.510.000	-		-	378.596.510.000
Tăng khác	-	1.727.361.189	-	-	1.727.361.189
Nộp NS lợi nhuận	-	-	-	(1.740.249.262)	(1.740.249.262)
Trích các quỹ	-	-	-	(5.037.963.189)	(5.037.963.189)
Lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	-	5.757.870.630	5.757.870.630
Ngân sách cấp, quyết toán dự án	-	-	(313.153.806.700)	-	(313.153.806.700)
Ngày 31/12/2022	1.137.791.166.667	5.785.834.578	188.784.780.291	719.907.441	1.333.081.688.977

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa		
- <i>Doanh thu (hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác)</i>	35.089.481.534	35.253.434.384
- <i>Doanh thu hoạt động kinh doanh</i>	462.022.916	212.714.840
- <i>Doanh thu (NSNN cấp kiểm định an toàn các công trình)</i>	2.973.267.000	-
- <i>Doanh thu (NSNN hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)</i>	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	45.524.771.450	42.466.149.224
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn của hoạt động thủy lợi	23.631.771.911	22.088.347.845
Giá vốn của hoạt động kinh doanh	437.640.000	195.390.000
Giá vốn của kiểm định an toàn các công trình	2.973.267.000	-
Cộng	27.042.678.911	22.283.737.845
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	77.147.771	-
Doanh thu hoạt động tài chính	300.000.000	234.382.181
Cộng	377.147.771	234.382.181
4. Chi phí Quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí cho nhân viên	8.584.137.613	8.940.062.002
Chi phí vật liệu quản lý	651.770.865	569.549.310
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	758.521.210	661.167.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	286.752.729	317.263.628
Thuế, phí và lệ phí	83.799.498	64.767.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.328.623	735.834.269
Chi phí bằng tiền khác	1.440.011.431	564.167.200
Cộng	12.507.321.969	11.852.810.711
5. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Thu Thanh lý tài sản	23.377.273	-
Thu cấp quyền khai thác nước	819.622.424	142.355.765
Thu nhập khác	2.420.250	116.864.954
Cộng	845.419.947	259.220.719

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.197.338.288	8.823.203.568
Thu nhập tính thuế	7.197.338.288	8.823.203.568
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.439.467.658	1.764.640.714
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.439.467.658	1.764.640.714

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản và nợ tiềm tàng**

Cho đến ngày phát hành báo cáo này Công ty không có tài sản tiềm tàng cũng như nợ tiềm tàng.

2. Các khoản cam kết

Cho đến ngày phát hành báo cáo này Công ty không có các cam kết làm phát sinh nghĩa vụ ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mà chưa được điều chỉnh trong báo cáo.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	Chủ sở hữu
Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2022	Năm 2021
Hội đồng thành viên, kiểm soát viên và Ban Giám đốc	2.664.816.000	2.494.800.000
Tiền lương,	2.664.816.000	2.494.800.000

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Biên Hòa, ngày 01 tháng 03 năm 2023



Phạm Thị Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Kế toán trưởng



Dương Xuân Sơn
Giám đốc